

## PHẨM 9: THÀNH LẬP DU-GIÀ

Lại nữa, như trước nói: Bồ-tát ở giai vị này, trước, tu sức mạnh của nhân. Thế nào là trước sức mạnh của nhân?

Tụng rằng:

*Bát-nhã độ Du-già,  
Đẳng chí, Vô phân biệt,  
Tất cả, tất cả chúng,  
Đều không có phân biệt.*

**Luận chép:** Nương vào Tam-ma-bát-đề phát sinh hạnh cao siêu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa Du-già, đó là chánh tuệ, có khả năng đến bờ bên kia, là phương tiện tối thắng của Đại Bồ-đề, nên gọi là Du-già. Nương vào Du-già mà Đẳng Chí đến không còn phân biệt, đối với tất cả pháp và tất cả thứ vô phân biệt. Thế nào là tất cả và tất cả thứ?

Tụng rằng:

*Tất cả, tất cả chúng,  
Ba tướng và ba luân.  
Gọi là tướng nhiễm, tịnh.  
Và đều chẳng hai thứ.*

**Luận chép:** Tất cả, nghĩa là ba luân:

1. Cảnh sở tri.
2. Trí năng tri.
3. Người năng tri.

- Tất cả chúng là: Ba tướng:

1. Danh tướng.
2. Nhiễm tịnh.
3. Câu phi.

- Danh là, v.v... mười hai thứ như giả lập.

- Danh tướng là tự tướng và cộng tướng.

- Nhiễm là pháp nhiễm ô.

- Tịnh là các pháp lành.

- Câu phi là pháp vô phú vô ký.

Lại nữa, như vậy, đã nói vô phân biệt. Vậy, nói vô phân biệt là đối với pháp nào? Tụng rằng:

*Với pháp và pháp không,  
Không hai thứ hý luận.  
Vô phân biệt, vô cùng,  
Trên đây chẳng hợp lý.*

**Luận chép:** Pháp và pháp không đều chẳng có hai thứ hý luận, nên gọi là vô phân biệt. Thế nào là hai? Là có và không. Vì sao? Sắc chẳng phải có vì nó là tướng của biến kế sở chấp, cũng chẳng phải là không vì nó nương vào giả tạm mới có. Sắc, không cũng chẳng thật có vì tướng của biến kế sở chấp không sáng tỏ. Cũng chẳng phải không vì các pháp vô ngã đã làm sáng tỏ. Đối với sắc, sắc không, như vậy đối với tất cả pháp khác và tất cả pháp không, nên biết cũng như vậy. Không phải lìa các pháp và pháp không, mà còn có cảnh khác để nắm bắt được. Cho nên chỉ nói hai thứ không phân biệt, chứ chẳng phải không phân biệt. Hơn nữa, không phân biệt có lỗi vô cùng. Trên đây, lại không có cảnh của sở tri.

Lại nữa, bài Tụng rằng:

*Nếu đều không sở thủ,  
Vô tuệ cũng vô độ,  
Đều thành chấp, lìa nói.  
Vì thuận, chẳng vô dụng.*

**Luận chép:** Đây, nếu không có hai thứ phân biệt thì không có chấp lấy. Do đều không chấp lấy nên đều không chấp nên tự thể của tuệ còn là không, hướng chi là đến bờ kia? Do vậy, phải có pháp lấy tướng nhưng lìa lời nói. Do có chấp nhận này nên cả hai, trí tuệ qua bên kia mới thành tựu. Vì sao? Vì do trí tuệ bậc Thánh này dù không chấp lấy, tính tướng, như đã nói, nhưng vẫn chấp nhận tướng tính bằng ly ngôn.

Hỏi: Nếu trí tuệ bậc Thánh này không chấp lấy tướng tính như lời nói thì giảng nói chánh pháp lẽ ra là vô dụng?

Đáp: Không đúng, vì thuận theo. Vì sao? Do thuận theo cho nên chấp lấy tướng mà lìa lời nói. Thế nên Đức Như lai giảng nói chánh pháp.

-----

## PHẨM 10: THÀNH LẬP BÁT TƯ NGHỊ

**Luận chép:** Trước phải suy nghĩ mới nhập vào hiện quán. Do vậy nên phải tách rời phương tiện tư duy, không thể nghĩ bàn. Thế nào là chỗ không thể nghĩ bàn?

Tụng rằng:

*Chín việc không nghĩ bàn,  
Do nương vào năm chỗ,  
Có năm thứ nguyên nhân,  
Đức, lỗi, đều có ba.*

**Luận chép:** Có chín việc không thể nghĩ bàn:

1. Ngã.
2. Hữu tình.
3. Thế giới.
4. Nghiệp báo.
5. Cảnh giới của người nhập tĩnh lự.
6. Cảnh giới của Chư Phật.
7. Mười bốn việc không thể ghi chép.
8. Chẳng phải chánh pháp.
9. Bị dẫn dắt do tất cả phiền não.

Nếu có tư duy chín việc này, thì phải nương vào năm chỗ mới phát sinh tư duy là:

1. Kiến.
2. Nhẫn.
3. Tìm tòi.
4. Lợi dưỡng.
5. Rối loạn.

- Nương vào thấy mà tư duy về ngã và hữu tình.

- Nương vào nhẫn mà tư duy thế giới.

- Nương vào tìm tòi mà tư duy nghiệp báo. Tĩnh lự là cảnh giới của Chư Phật và mười bốn thứ việc không thể ghi chép.

- Nương vào lợi dưỡng mà tư duy là không đúng chánh pháp.

- Nương vào rối loạn mà tư duy thì thuộc về tất cả phiền não d

ã. **Hỏi:** Vì sao không nên nghĩ bàn chín việc như vậy? **Đáp:** Do năm nhân duyên là:

1. Do ngã và hữu tình không có tự tướng, nên không thể nghĩ

b

àn.

2. Do tướng của thế giới đã thành lập rồi, nên không nên nghĩ b
3. Do nghiệp báo và tướng mạo của hai cảnh giới sâu xa, nên không nên nghĩ bàn.
4. Do việc không thể (ghi chép) vì chúng không có tướng mạo nhất định, nên không thể nghĩ bàn.
5. Do không phải chánh pháp và bị phiền não dắt dẫn, có thể dẫn đến tướng vô nghĩa, nên không thể nghĩ bàn.

Nếu ai tư duy những việc như vậy, thì họ bị dẫn đến ba lỗi là:

1. Lỗi khởi tâm lấm loạn.
2. Sinh ra lỗi không phải phước thiện.
3. Lỗi không phải điều lành.

Ai không tự suy nghĩ bàn chín việc trên thì họ có khả năng đem lại ba công đức trái lại. Nên biết.

Tụng rằng:

*Không nên nghĩ, không ký,  
Phải biết do bốn nhân,  
Sâu xa không định, một,  
Dẫn trụ tướng vô nghĩa.*

**Luận chép:** Nếu nói lược thì có bốn thứ nguyên nhân đối với việc không thể nghĩ bàn, tự mình không nên nghĩ bàn cũng không nên vì người khác mà ký riêng?

1. Ngã và hữu tình là có hoặc không chẳng nhất định, cho nên không thể nghĩ bàn, không thể ký riêng.
2. Bởi nghiệp báo và hai cảnh giới đều rất sâu xa nên không thể nghĩ bàn, không thể ký riêng.
3. Không thể ký việc của thế giới vì không phải chánh pháp. Vì bị lôi cuốn vào tất cả phiền não, đưa đến vô nghĩa, nên không thể suy tìm, không ký riêng được.
4. Chân như đối với các pháp như hành, v.v... là bất tức bất li. Do tướng ấy mà pháp an trụ thế ấy, nên không thể nghĩ bàn, không thể ký riêng.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Không nghĩ ngã có, không,  
Sẽ thành hai thứ lỗi.  
Với khác, cũng hai lỗi,  
Không nên nghĩ một, khác.*

**Luận chép:** Không nên tư duy là ngã có hay không. Vì sao?  
Vì sẽ

mắc hai lỗi. Nếu suy nghĩ ngã là có thì đối với nghĩa không phải thật có, phát sinh lỗi chấp càng thêm nặng. Nếu suy nghĩ ngã là không thì đối với nghĩa giả có, phát sinh lỗi chấp làm tổn hại đối với các hữu tình khác. Nếu chấp vừa là một, vừa là khác thì cũng mắc hai lỗi. Nếu chấp là một thì mắc lỗi là có nhiều hữu tình. Nếu chấp là khác thì các lỗi là chẳng phải có sáu xứ.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Hai dù không nương thấ,  
Cũng không thể nghĩ bàn.  
Không nghĩ sinh như thế,  
Do ba lỗi thường theo.*

**Luận chép:** Hai thứ là thế giới hữu tình và khí thế giới, dù không nương kiến cũng không nên nghĩ bàn về nó. Vì sao? Vì tướng của thế giới đã thành hình mà cũng biết rồi.

Hỏi: Vì sao không nên suy tư về thế giới với câu hỏi nó sinh ra như thế hay bất sinh ra như thế?

Đáp: Nếu suy tư như thế hoặc cho là như thế. Nếu suy tư không phải như thế cho là không phải như thế. Ba lối hỏi sai lầm ấy, sẽ cứ theo đuổi mãi.

Lại nữa, tụng rằng:

*Đường lành và đường ác,  
Hai tác giả chẳng định  
Nghiệp thiện ác quá khứ,  
Nơi làm, đều khó nghĩ.*

**Luận chép:** Không nên nghĩ bàn về nghiệp báo, vì nó không chắc chắn là hễ ai làm phước thì sinh về đường lành, ai làm ác thì đọa vào đường ác. Hơn nữa, đời quá khứ đã làm nghiệp tốt hay xấu hoặc bởi nơi sống hoặc do việc hoặc vì nhân hay quả báo, cho nên không thể nghĩ bàn được.

Tụng rằng:

*Tính chân như vô lậu,  
Thành nghĩa lợi đã làm,  
Người tinh lự Như lai,  
Tự tại, không gì dụ.*

**Luận chép:** tinh lự và hai cảnh giới của Phật, chân như là thể tính vô lậu của nó, đều không thể nghĩ bàn. Lại nữa, các việc làm thành tựu của Chư Phật, ý nghĩ nó, cũng không thể nghĩ bàn. Nghĩa là các việc làm lợi ích cho chúng sinh, cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không

thể thí dụ được. Tất cả các việc, dù tinh tế nhất đi nữa ở trên đời này, cũng không có khả năng thí dụ được với sự sâu xa của hai cảnh giới ấy. Lại nữa, về tự tại thì nó là tâm tự tại mà các Đức Như lai tự chứng được bên trong nên khởi lên tất cả tác dụng đối với các việc mà các Đức Như lai làm cho đời. Nếu lìa nhân duyên hòa hợp thì không thấy.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Những gì ngoại đạo nói,  
Dẫn đến không nghĩa lợi,  
Phi lý, xa bốn chỗ,  
Vô ký, không nghĩ bàn.*

**Luận chép:** Các việc không nên ký, không thể nghĩ bàn, đối với những gì mà ngoại đạo nói, do chúng dẫn đến những điều không ích lợi, không đúng chân đế, do họ đã lìa bốn thứ chánh tư duy: là nhân của tư duy, quả của tư duy và tư duy về tạp nhiễm, tư duy thanh tịnh.

Lại nữa, như trước đã nói, tư duy lỗi của họ phạm ba lỗi, vì sao mắc lỗi?

Tụng rằng:

*Phi xử siêng dụng công,  
Hủy báng với đại ngã,  
Không tu thiện trong sạch,  
Nên thành ba thứ lỗi.*

**Luận chép:** Vì không phải lãnh vực mà cố gắng dụng công cho nên họ sinh ra tâm rối loạn lỗi lầm. Vì họ nói xấu chê bai công đức tối thắng của người tinh lự và Phật, Thế Tôn nên họ mắc lỗi là làm việc phi phước đức. Vì họ bất sinh pháp lành trong sạch nên mắc lỗi là không được điều thiện.

Lại nữa, tụng rằng:

*Xa lìa, không nghĩ bàn,  
Nghĩ chỗ đáng suy nghĩ,  
Đủ tám thứ công đức.  
Phải nghĩ đúng chân đế.*

**Luận chép:** Những ai gắng gượng tư duy phạm vi không thể nghĩ bàn, thì mắc phải những lỗi như vậy. Cho nên phải xa lìa vấn đề ấy. Còn đối với phạm vi có thể nghĩ bàn thì phải tư duy đúng như lý. Nếu tư trong phạm vi này thì có tám công đức, tám công đức là:

1. Có khả năng khéo biết rõ về hoặc thuyết, đại thuyết.
2. Tư duy theo ý nghĩa chứ không theo văn tự.
3. Ít dùng lòng tin trong sạch để tin hiểu.

4. Ít dùng tuệ quán để quán xét.
5. Tư duy vững chắc.
6. Tư duy bằng quán xét chắc thật.
7. Thường siêng năng tư duy.
8. Những gì mình tư duy đều đạt tới chỗ rốt ráo, không biếng nhác rút lui.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Những gì Chư Phật nói,  
Biết khắp, thấy không trái.  
Năm nhân và hai nhân,  
Không nghĩ bàn về nó.*

**Luận chép:** Do năm nguyên nhân nên chẳng phải phạm vi ta nghĩ bàn, không nên nghĩ bàn với ham thích, vì những gì Phật nói và trong pháp Tứ đế chứa đầy cái biết cùng khắp đưa đến đoạn hoặc chứng chân không trái nhau. Lại lược do hai nguyên nhân là giáo pháp và sự chứng ngộ giáo pháp, là các Đức Phật nói lên những gì mà các Ngài đã chứng, là biết rõ về khổ, v.v...

-----